

MẤY VẤN ĐỀ VỀ NỘI HÀM KHÁI NIỆM TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐOÀN THỊ HUỆ*

Những năm gần đây, thực tiễn sáng tác và hoạt động nghiên cứu, phê bình văn học về đề tài lịch sử ở Việt Nam đã có nhiều tìm tòi, đổi mới. Tuy nhiên, việc hiểu nội hàm khái niệm tiểu thuyết lịch sử vẫn còn gây tranh cãi. Thông qua việc tìm hiểu và chỉ rõ những vấn đề cơ bản làm nên nội hàm khái niệm tiểu thuyết lịch sử, chúng tôi hy vọng có thể đóng góp thêm vào việc tìm hiểu khái niệm tiểu thuyết lịch sử.

Từ khóa: nội hàm, khái niệm, tiểu thuyết lịch sử

Nhận bài ngày: 18/10/2016; *đưa vào biên tập:* 5/12/2016; *phản biện:* 9/1/2017; *duyet đăng:* 12/2/2017

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam có bước phát triển đột phá, hình thành diện mạo riêng, bước đầu có thể phân biệt với các khuynh hướng tiểu thuyết khác. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu về tiểu thuyết lịch sử đã được nhiều học giả quan tâm. Năm 1999, tập thể tác giả quyển *Từ điển thuật ngữ văn học* đã thống nhất cho rằng: “tiểu thuyết lịch sử là tác phẩm viết về đề tài lịch sử và nhân vật lịch sử. Các tác phẩm viết về đề tài lịch sử này có chứa đựng các nhân

vật và chi tiết hư cấu, tuy nhiên các nhân vật chính và sự kiện chính thì được sáng tạo trên sử liệu xác thực trong lịch sử, lời ăn tiếng nói, trang phục, tập quán phù hợp với giai đoạn lịch sử ấy” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi 1999: 255). Cùng năm 1999, Bùi Văn Lợi (1999: 23) trong luận án *Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945 (Diện mạo và đặc điểm)* đã cho rằng: “Tiểu thuyết lịch sử là những tác phẩm mang trọn đặc trưng của tiểu thuyết nhưng lại lấy nội dung lịch sử làm đề tài, làm cảm hứng sáng tạo nghệ thuật”. Năm 2004, tập thể tác giả *Từ*

* Trường Đại học Đồng Nai.

điển văn học bộ mới thống nhất cho rằng: tiểu thuyết lịch sử chính là “tác phẩm tự sự hư cấu lấy đề tài lịch sử làm nội dung chính. Lịch sử trong ý nghĩa khái quát là quá trình phát triển của tự nhiên và xã hội” (Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá 2004: 1725). Các định nghĩa trên cơ bản đã chỉ ra được đặc trưng của thể loại tiểu thuyết lịch sử. Trên thực tế, đây thường được xem là những định nghĩa kinh điển về tiểu thuyết lịch sử ở Việt Nam. Về sau, cùng với sự vận động và phát triển của thực tế sáng tác, các nhà nghiên cứu lý luận, phê bình Việt Nam đã có những bổ sung, hoàn chỉnh, hướng đến việc tìm hiểu thấu đáo hơn về khái niệm tiểu thuyết lịch sử. Trên tinh thần học hỏi, kế thừa những người đi trước, chúng tôi bước đầu tìm hiểu, hệ thống lại các quan niệm có liên quan đến vấn đề: nội hàm khái niệm tiểu thuyết lịch sử.

2. NỘI HÀM KHÁI NIỆM TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

Nội hàm của khái niệm là tổng hợp các thuộc tính bản chất của các lớp đối tượng được phản ánh trong khái niệm đó. Từ lịch sử nghiên cứu tiểu thuyết lịch sử, từ thực tế sáng tác của nhà văn và thị hiếu tiếp nhận của độc giả, chúng tôi bước đầu làm rõ nội hàm khái niệm tiểu thuyết lịch sử ở ba thuộc tính:

2.1. Tiểu thuyết lịch sử là loại tiểu thuyết mô phỏng hiện thực, lấy việc tái hiện hiện thực lịch sử của một cộng đồng người làm nhiệm vụ chính cho câu chuyện được kể.

Tiểu thuyết lịch sử là một tiểu loại trong đại gia đình tiểu thuyết. Nó có những đặc trưng chung của thể loại tiểu thuyết - là sản phẩm của trí tưởng tượng hư cấu, nhưng tạo dựng được bầu không khí xác thực bởi chất liệu cấu thành nên đề tài, biến cố, nhân vật, sự kiện đều bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống. Trong bức tranh chung các hình thái phong phú, đa dạng của tiểu thuyết, sự vận động và phát triển của tiểu thuyết quy về hai loại chính là loại thiên về mô phỏng hiện thực (có tính hiện thực) và loại thiên về hư cấu biểu ý (vượt lên trên hiện thực). Ở đây, tiểu thuyết lịch sử thuộc loại thứ nhất, tức là loại tiểu thuyết phát triển theo hướng lấy việc mô phỏng hiện thực làm mục đích sáng tác. Trong chừng mực nhất định, lịch sử và hiện thực luôn có mối quan hệ mật thiết. Thời gian trôi qua, cái hôm nay gọi là “hiện thực”, ngày mai đã thành quá khứ và sẽ trở thành thành “lịch sử”. Bất luận tiểu thuyết lịch sử có bao nhiêu thành phần hư cấu, mục đích cuối cùng của nó vẫn là mô phỏng hiện thực lịch sử, mô phỏng cái hiện thực của ngày hôm qua. Xác định rõ điều này giúp người nghiên cứu phân biệt được tiểu thuyết lịch sử với các sáng tác văn học viết về đề tài lịch sử nhưng đậm đặc yếu tố thần kỳ, hư ảo, quái dị, hoang đường. Trong trường hợp đó, yếu tố lịch sử vẫn có mặt nhưng đã bị yếu tố hư cấu thiên về thần kỳ, hư ảo lấn át, khiến phần hiện thực lịch sử trong câu chuyện được kể trở nên nhòe mờ, huyền hoặc, gần giống với truyện thần thoại,

cổ tích hơn là truyện lịch sử. Truyện lịch sử đích thực phải là câu chuyện có thật về một dân tộc/cộng đồng đã từng hằng tồn trong lịch sử, được mọi người biết đến và thừa nhận tính xác thực của nó. *Lĩnh Nam chích quái*, *Phong thần diễn nghĩa* hay một số tác phẩm viết về đề tài lịch sử nhưng không lấy tư liệu từ nguồn lịch sử chính thống mà lấy từ truyền thuyết, thần tích được lưu truyền trong dân gian thời cổ đại thì cũng không gọi là tiểu thuyết lịch sử. Việc xác định rõ thuộc tính bản chất này của tiểu thuyết lịch sử sẽ giúp người nghiên cứu phân biệt được tiểu thuyết lịch sử với các tác phẩm văn học viết về lịch sử nhưng thiên về mục đích biểu ý, vượt lên trên hiện thực. Điển hình như *Tây du ký* của Ngô Thừa Ân. Ở đây, Ngô Thừa Ân có đề cập đến một chi tiết có thật trong lịch sử Trung Hoa. Đó là chi tiết nhà sư Đường triêu tên Trần Huyền Trang sang Tây Trúc thỉnh kinh. Nhưng ngoài chi tiết lịch sử ít ỏi đó, nội dung tác phẩm chủ yếu kể về chuyện thần ma đấu pháp, trừ yêu diệt bạo... nên không thể xếp tác phẩm vào nhóm tiểu thuyết lịch sử.

Tuy nhiên, sự mô phỏng hiện thực trong *tiểu thuyết lịch sử* và sự mô phỏng hiện thực trong *tiểu thuyết hiện thực* hoàn toàn khác nhau. Đề tài chính của tiểu thuyết hiện thực là vấn đề thuộc về xã hội rộng lớn, là vấn đề bức xúc của đời sống xã hội hiện tại. Nhà văn sáng tác tiểu thuyết hiện thực như *người thư ký trung thành của thời đại*, những mong thông qua tác phẩm

văn học nói lên tiếng nói thống khổ của người dân và vạch trần, tố cáo bản chất xấu xa của xã hội đương thời. *Tấn trò đời* của Honore de Balzac cũng như các sáng tác văn học thuộc khuynh hướng hiện thực chủ nghĩa của Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan... trong giai đoạn văn học 1930-1945 là những tác phẩm như thế. Trong khi đó, tiểu thuyết lịch sử có mô phỏng hiện thực nhưng hiện thực được tiểu thuyết lịch sử quan tâm lại là hiện thực thuộc về quá khứ. Đó là mảng hiện thực đã được ghi chép lại bởi các sử quan và được bảo lưu trong kho tàng lịch sử của dân tộc.

Ở đây, cũng cần làm rõ sự khác biệt giữa hiện thực trong tiểu thuyết lịch sử với hiện thực trong các bài báo đưa tin và hiện thực trong hồi ức cá nhân nhà văn. Ở các bài báo đưa tin, tác giả rất chú ý đến phương diện thời gian của mảng hiện thực được phản ánh. Ngoài yêu cầu về sự chính xác khách quan, tác giả bài báo cần đảm bảo tính thời sự nóng hổi, cập nhật thông tin của sự kiện. Trong khi đó, hiện thực được tái hiện trong tiểu thuyết nói chung và trong tiểu thuyết lịch sử nói riêng cần sự lắng đọng về thời gian. Có thể là 5 năm, 10 năm, 30 năm, 50 năm hoặc dài hơn nữa, như qua một cuộc chiến, đi hết một đời người hay sự chuyển giao một thời đại. Khó có thể đưa ra khung thời gian chính xác cho độ lắng đọng của mảng hiện thực được kể đến trong tiểu thuyết lịch sử. Điều này dễ tạo nên sự nhầm lẫn giữa hiện thực trong tiểu

thuyết hiện thực và hiện thực trong tiểu thuyết lịch sử, một khi hai mảng hiện thực đó đều thuộc về quá khứ và có sự góp mặt của ít nhiều yếu tố lịch sử. Vấn đề cốt lõi ở đây là giới hạn, phạm vi không gian bảo lưu mảng hiện thực đó là ở đâu, trong chính sử hay trong hồi ức cá nhân nhà văn. Có những mảng hiện thực mặc dù đã được lắng đọng qua khoảng thời gian tương đối dài (50 hoặc 60 năm) nhưng vì lý do nào đó, các nhà sử học chưa kịp, chưa có dịp hoặc lãng quên, không “ghi” vào chính sử nên trên thực tế nó mới chỉ được bảo lưu trong hồi ức cá nhân nhà văn. Có thể đó là mảng hiện thực cuộc sống nhân dân Việt Nam những năm trước cách mạng tháng Tám, hiện thực cuộc sống và chiến đấu của quân dân Việt Nam giai đoạn 1945-1975, hiện thực cuộc sống của người dân Việt Nam những năm trước, trong và sau cuộc cải cách ruộng đất. Hoặc có mảng hiện thực đã qua, đã được lắng đọng về thời gian, đã thuộc về quá khứ có sự gắn kết với số phận của một cộng đồng/dân tộc, có thể kịp hoặc chưa kịp hiển lộ hết trong chính sử và hôm nay nó được nhà văn phục hiện lại trong tác phẩm dựa trên từng mảng hồi ức và sự trải nghiệm cá nhân. Ở trường hợp đó, các sáng tác văn học viết về hiện thực quá khứ nhưng hiện thực đó mới được bảo lưu trong hồi ức cá nhân và nay được hiển thị trên trang viết bằng tất cả sự hoài nhớ, trải nghiệm, phán đoán và chưng cất lại của riêng nhà văn thì cũng không gọi là tiểu thuyết lịch sử. Những tác

phẩm như *Quê nhà, Quê người, Mười năm* của Tô Hoài, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, *Mãi mãi tuổi hai mươi* của Nguyễn Văn Thạc, *Truyện anh Lục* của Nguyễn Huy Tưởng, *Sài Gòn 67* của Nguyễn Văn Bồng, *Báu vật của đời* của Mạc Ngôn... không thể gọi là tiểu thuyết lịch sử. Việc nhà văn viết về một hiện thực lịch sử mà anh ta đã từng trải nghiệm với việc nhà văn viết về một hiện thực lịch sử trong sách sử mà anh ta chưa từng có chút trải nghiệm nào là hoàn toàn khác nhau. Do vậy, chúng ta không thể lấy việc lắng đọng về thời gian làm tiêu chí phân biệt tiểu thuyết hiện thực với tiểu thuyết lịch sử. Rồi từ đó hoạch định ra khoảng thời gian cần lắng đọng của hiện thực trong tiểu thuyết lịch sử là 30, 40, 50 năm hoặc nhiều nữa thì mới thừa nhận. Như vậy không hợp lý và trên thực tế rất khó đạt được sự đồng thuận của nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình, độc giả.

Như vậy, tiểu thuyết lịch sử là loại tiểu thuyết mô phỏng hiện thực, lấy nhân vật và sự kiện có thật trong lịch sử làm đề tài chính cho câu chuyện được kể. Lịch sử đó phải là lịch sử đã được lắng đọng về thời gian, đã được ghi chép lại trong sách sử bởi các sử quan, được biết đến rộng rãi trong cộng đồng dân tộc lẫn quốc tế.

2.2. Tiểu thuyết lịch sử là loại tiểu thuyết mà ở đó nhân vật và sự kiện có thật trong lịch sử luôn đảm nhận vai trò nhân vật trung tâm hoặc nhân vật chính trong câu chuyện được kể.

Trả lời phỏng vấn của Trung Trung Đĩnh, Nguyễn Xuân Khánh từng chia sẻ:

“Trung Trung Đĩnh: Trở lại những ý kiến nêu trên của anh Khánh. Có phải anh bảo trong tiểu thuyết lịch sử có thể có cả những nhân vật hư cấu. Nghĩa là tôi có thể không viết về một ông hoàng bà chúa nào mà viết về một con người bình thường nào đó?”

Nguyễn Xuân Khánh: Được lắm chứ. Tiểu thuyết lịch sử có thể viết về một nhân vật bình thường miễn hoàn cảnh làm nền là hoàn cảnh lịch sử. Tuần lễ thánh của Aragon viết về họa sĩ bình thường Théodore thời Napoléon. Vũ Như Tô của Nguyễn Huy Tưởng cũng theo cách như vậy. Ở trường hợp này, lịch sử chính là bối cảnh để tác giả trình bày những hư cấu và những vấn đề mà tác giả quan tâm” (Trung Trung Đĩnh 2003).

Theo cách nói của Nguyễn Xuân Khánh, nhân vật chính trong tiểu thuyết lịch sử có thể không phải là ông hoàng bà chúa hay một nhân vật lịch sử quan trọng có can dự trực tiếp đến các biến cố lịch sử trọng đại của dân tộc, mà có thể chỉ là những con người bình thường. Ở đây, chúng ta cần hiểu rõ những con người bình thường được Nguyễn Xuân Khánh nhắc đến trong phát biểu trên đều là những người đã từng sống, từng tồn tại trong quá khứ và ít nhiều đã được lịch sử nhắc đến do có liên hệ mật thiết với một sự kiện lịch sử trọng đại nào đó của cộng đồng/dân tộc. Hoặc cũng có thể nói: trên vũ đài chính trị, khi so

sánh với các ông hoàng bà chúa, các danh nhân văn hóa thì các cá nhân này mới chỉ là những con người bình thường. Nhưng khi xét đến những người bình thường đã từng để lại ấn tượng đậm nét trong tâm thức dân gian thì họ lại là những người đặc biệt, bởi tên tuổi họ đã từng gắn liền với một biến cố hoặc sự kiện lịch sử trọng đại nào đó của dân tộc và được nhiều người biết đến. Vậy nên tên tuổi của những người bình thường ấy đã được sử quan ghi chép và bảo tồn cẩn thận trong kho tàng lịch sử dân tộc. Đến lượt mình, xuất hiện trong tác phẩm viết về đề tài lịch sử, những người bình thường ấy đã trở dậy, đảm nhận vai trò chính, vai trò trung tâm làm nên hồn cốt cho câu chuyện được kể.

Ví như nhân vật Vũ Như Tô trong vở kịch *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng. Vốn xuất thân từ dân dã nhưng có biệt tài trong lĩnh vực kiến trúc nên Vũ Như Tô đã được Lê Tương Dực vời về cung giao phó sứ mệnh xây dựng Cửu Trùng đài. Sự kiện lịch sử xây dựng Cửu Trùng đài đã khiến người đời biết đến Vũ Như Tô với tư cách một nhân vật lịch sử. Trong *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục* (Quyển 26), sử quan triều Lê viết về Vũ Như Tô và sự kiện xây dựng Cửu Trùng đài: “Trước đây, Vũ Như Tô, một người thợ ở Cẩm Giàng xếp cây mía làm thành kiểu mẫu cung điện lớn trăm nóc dâng lên nhà vua; nhà vua bằng lòng phong cho Vũ Như Tô làm đô đốc đứng trông nom việc dựng hơn trăm nóc cung điện lớn có

gác, lại khởi công làm Cửu Trùng đài.” (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 604). Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỷ thực lục, quyển XV, Kỷ nhà Lê, Tương Dực đế), Vũ Như Tô được các nhà sử học viết: “Trước đây, xã Minh Quyết, huyện Cẩm Giàng có người thợ Vũ Như Tô (tức tên Đô Nhạn), ở nhà lấy cây mía dựng thành kiềng điện có trăm nóc, đến đây đem kiềng nhà ấy dâng lên, khuyên vua xây dựng. (...) Người thợ Vũ Như Tô làm điện lớn hơn trăm nóc, dùng hết tiền của và sức dân trong nước” (Ngô Sĩ Liên 2004: 568). Cùng với đó, các sự kiện lịch sử: quân khởi nghĩa Trần Cảo tiến đánh Thăng Long vào tháng 4 năm 1416, sự kiện Nguyễn Hoàng Dụ đóng quân ở Bồ Đề được tin Duy Sản giết vua đã đem quân vượt sông, đốt hết phố xá trong kinh thành, bắt chém Vũ Như Tô, hạ lệnh đốt Cửu Trùng Đài... đã góp phần phục dựng nên bầu không khí lịch sử thời Lê sơ cho tác phẩm. Vậy nên, *Vũ Như Tô* đã được đông đảo bạn đọc biết đến là một vở kịch lịch sử xuất sắc của Nguyễn Huy Tưởng.

Còn An Tư, nhân vật chính trong tiểu thuyết *An Tư* của Nguyễn Huy Tưởng vốn được xây dựng từ nguyên mẫu nhân vật lịch sử có thật là công chúa An Tư, hoàng muội thượng hoàng Trần Thánh Tông, hoàng cô vua Trần Nhân Tông, là người đã bị đem cống cho Thoát Hoan để đổi lấy 5 vạn quân Trần bị giặc bắt trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai. Nhân vật lịch sử An Tư được sử Việt

nhắc đến như sau: “Sai người đưa công chúa An Tư đến cho Thoát Hoan để giảm nạn nước” (Ngô Sĩ Liên 2004: 192). Cũng như An Tư, Huyền Trân vốn là nhân vật có thật trong lịch sử Đại Việt với các thông tin cụ thể: Huyền Trân sinh năm 1289, mất ngày mồng 9 tháng Giêng năm Canh Thìn 1340. Lúc còn sống, nàng là con gái vua Trần Nhân Tông, em gái vua Trần Anh Tông. Khi được gả cho vua Java Sinhavarman III, nàng được phong làm hoàng hậu với tước hiệu là Paramecvari và nàng cũng là người đã sinh hạ hoàng tử Chế Đa Đa, hậu duệ vua Java. Trong *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, sử quan triều Nguyễn đã viết về nhân vật lịch sử Trần Huyền Trân và sự kiện nàng về làm dâu đất Chiêm Thành như sau: “Tháng 6, mùa hạ. Gả Huyền Trân công chúa cho chúa Chiêm Thành là Chế Mân. Chế Mân đem dâng đất châu Ô và châu Lý” (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 255). Xuất hiện lại trong *Huyền Trân công chúa* (Hoàng Quốc Hải) và *Huyền Trân công chúa* (Nguyễn Hữu Nam), nhân vật Huyền Trân công chúa đóng vai trò nhân vật chính, nhân vật trung tâm, xuất hiện từ đầu đến cuối tác phẩm, chi phối mạch trần thuật, sự vận động và phát triển các tình tiết chính của câu chuyện. Các tác phẩm như trên chính là tiểu thuyết lịch sử.

Thử đối chiếu thuộc tính thứ hai trong nội hàm khái niệm tiểu thuyết lịch sử vào các tác phẩm *Hồ Quý Ly*, *Mẫu Thượng ngàn*, *Đội gạo lên chùa* của

Nguyễn Xuân Khánh, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn vì sao *Hồ Quý Ly* được mọi người thừa nhận là tiểu thuyết lịch sử nhưng *Mẫu thượng ngàn*, *Đội gạo lên chùa* vẫn còn nằm trong vòng nghi vấn, không biết có phải là tiểu thuyết lịch sử hay không. Một cách cẩn trọng, Đỗ Hải Ninh – tác giả của *Quan niệm về lịch sử trong tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh*, đã viết: “bài viết không nhằm mục đích phân loại tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Khánh có phải tiểu thuyết lịch sử hay không mà tìm hiểu quan niệm về lịch sử thông qua thể giới nghệ thuật với mong muốn góp phần lý giải sự thành công của hai cuốn *Hồ Quý Ly* và *Mẫu thượng ngàn*” (Đỗ Hải Ninh 2012).

Xem xét ba tác phẩm vừa kể trên của Nguyễn Xuân Khánh, chúng ta dễ nhận ra sự khác biệt lớn giữa *Hồ Quý Ly* với *Mẫu thượng ngàn* và *Đội gạo lên chùa* trên một số phương diện: số lượng, vị trí, vai trò của nhân vật và sự kiện lịch sử được nhắc đến trong tác phẩm. Ở *Hồ Quý Ly*, nhân vật trung tâm của tác phẩm là Hồ Quý Ly. Ông là nhân vật có thật trong lịch sử Đại Việt. Cùng với đó, sự xuất hiện của các nhân vật lịch sử như vua Nghệ Hoàng, vua Thuận Tông, công chúa Huy Ninh, thượng tướng Trần Khát Chân... gắn liền các sự kiện lịch sử trọng đại như Hội thề Đồng Cổ, Hội thề Đồn Sơn, cuộc chiến giữa quân dân nhà Trần với quân Chiêm Thành mà đứng đầu là Chế Bồng Nga... đã tạo nên bầu không khí lịch sử đậm đặc cho tác phẩm. Riêng ở *Mẫu thượng ngàn* và *Đội gạo lên chùa*,

nhân vật chính là những con người vô danh, chưa từng được nhắc đến trong chính sử. Hơn nữa các sự kiện lịch sử được nhắc đến trong tác phẩm lại rất ít ỏi, dễ chìm lẩn giữa nhiều sự kiện hư cấu. Vì vậy, có thể nói trong ba tác phẩm của Nguyễn Xuân Khánh vừa kể trên thì chỉ có *Hồ Quý Ly* là tiểu thuyết lịch sử; còn *Mẫu thượng ngàn* và *Đội gạo lên chùa* có chứa đựng *cảm thức lịch sử* của tác giả nhưng tuyệt đối không thể gọi là tiểu thuyết lịch sử.

Trường hợp khác, *Chiến tranh và hòa bình* của Lep Tônxtôi thì có thể được gọi là tiểu thuyết lịch sử. Mặc dù trong *Chiến tranh và hòa bình* của Lep Tônxtôi có nhiều nhân vật và sự kiện hư cấu nhưng trong tác phẩm cũng có nhiều sự kiện lịch sử gắn liền với nhiều biến cố lịch sử trọng đại từng được ghi rõ trong lịch sử nước Nga. Ví dụ như cuộc chiến Pháp - Phổ - Nga, các trận đánh Borodino, Auxteclic và các nhân vật lịch sử có thật như tướng Cutudop, đại đế Napoleon... Trong câu chuyện được kể bởi Lep Tônxtôi, hệ thống nhân vật và sự kiện lịch sử luôn song hành cùng hệ thống nhân vật và sự kiện hư cấu, giữ vai trò chủ đạo trong việc cấu thành đề tài, nội dung câu chuyện.

Điều này so với *Quê nhà* (Tô Hoài) có sự khác biệt. Trong *Quê nhà*, Tô Hoài có nhắc đến tên của một vài nhân vật lịch sử như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Hoàng Kế Viêm, Lưu Vĩnh Phúc... trong bối cảnh Pháp âm mưu đánh chiếm thành Hà Nội.

Nhưng tất cả các yếu tố thuộc về lịch sử chỉ dừng lại ở đó. Các nhân vật và sự kiện trong *Quê nhà* hoàn toàn là hư cấu. Tác phẩm thành công trên phương diện phục dựng nên bức tranh sinh hoạt và chiến đấu của các đội nghĩa binh hoạt động ven đô thành Hà Nội cũng như các đội dân quân chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa thời kỳ sau nhưng thiếu vắng bóng dáng nhân vật lịch sử tiêu biểu, thiếu vắng cả những sự kiện lịch sử cụ thể làm sườn cho câu chuyện được kể. Vì vậy, ta chỉ có thể kết luận: *Quê nhà* là tiểu thuyết thể sự chứ không phải là tiểu thuyết lịch sử.

Như vậy, về thuộc tính thứ hai cấu thành nội hàm khái niệm tiểu thuyết lịch sử, ta có thể tóm lại ở ý cơ bản: tác phẩm được gọi là tiểu thuyết lịch sử nhất thiết phải có nhân vật và sự kiện lịch sử. Hơn nữa, các nhân vật lịch sử thường phải là các anh hùng, các nhân vật oai danh hiển hách, là cá nhân có vai trò dẫn dắt phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc hoặc khai sáng triều đại. Xuất hiện trong tác phẩm, nhân vật và sự kiện lịch sử đó phải đóng vai trò chủ đạo, là nhân vật trung tâm và sự kiện chủ chốt trong câu chuyện được kể. Tác phẩm đó có thể viết về lịch sử của đám đông, lịch sử của phong trào quần chúng nhân dân lao động, nhưng không thể thiếu vắng bóng dáng nhân vật lịch sử tiêu biểu, các bậc anh hùng, những vị minh quân hay cá nhân thuộc hàng trí tướng giữ vai trò chủ đạo trong các cuộc khởi nghĩa, phong trào đấu tranh,

tạo dựng và phát triển một vương triều. Tác phẩm đó đương nhiên phải có hư cấu. Tác giả có thể hư cấu thêm nhân vật và sự kiện ngoài các sự kiện lịch sử để làm phong phú thêm tình tiết câu chuyện nhưng hệ thống nhân vật và sự kiện hư cấu phải được xếp ở tuyến thứ hai. Nó được nhà văn sử dụng nhằm mục đích làm sáng tỏ chiều sâu nội tâm, tính cách nhân vật lịch sử cũng như lý giải nguyên nhân, diễn biến, kết quả sự kiện lịch sử chứ không được lấn át hệ thống nhân vật và sự kiện lịch sử trong tác phẩm. Nói khác đi, *một quyển tiểu thuyết được gọi là tiểu thuyết lịch sử khi ở đó nhà văn được tự do sáng tạo và hư cấu nhưng phải lấy vai trò nhân vật lịch sử làm khung sườn cho thể loại*. Nhân vật và sự kiện được tác giả hư cấu, sáng tạo trong tác phẩm có thể xuất hiện nhiều hay ít, nhưng xét về hàm lượng và tác dụng thì hệ thống nhân vật và sự kiện có thật trong lịch sử phải giữ vai trò chính yếu, đảm nhận nhiệm vụ chủ đạo.

2.3. Tiểu thuyết lịch sử được sử dụng yếu tố hư cấu nhưng sự hư cấu đó phải có giới hạn, chịu chế định bởi tư duy lịch sử của cộng đồng.

Lịch sử trong tiểu thuyết lịch sử là một hiện thực đặc thù. Nó tuy là cái có thật nhưng lại thuộc về quá khứ đã xa, không còn chút liên hệ với sự trải nghiệm và hồi ức cá nhân nhà văn. Với khoảng cách không gian/thời gian càng đủ dày, lịch sử càng trở nên độc đáo và hấp dẫn trong tâm thức tiếp nhận của cộng đồng. Bởi càng được

lãng lợc về thời gian, lịch sử càng hàm chứa nhiều điều bí ẩn. Viết tiểu thuyết lịch sử, nhà văn không thể không hư cấu. Nếu không hư cấu hoặc hư cấu quá ít, tác phẩm sẽ gần giống với cuốn sách giáo khoa về lịch sử hoặc tác phẩm hiện thực minh họa lịch sử. Nhưng nếu hư cấu quá nhiều, thậm chí quá sai lệch với thông số, tư liệu lịch sử thì tác phẩm tất phải đối mặt với sự công kích của độc giả. Khi đó, tác phẩm không còn là tiểu thuyết lịch sử mà thành tác phẩm văn học hư cấu, hư cấu đến mức xuyên tạc, bóp méo sự thật lịch sử. Như trường hợp tác phẩm *Cầm thư quán* của Hà Thủy Nguyên là một ví dụ. Vì vậy, một khi đã chọn tiểu thuyết lịch sử làm thể loại chính cho sáng tác, bản thân nhà văn phải phân biệt rõ sự khác nhau giữa *quyền hư cấu và quyền vu vạ*. Đánh rằng khi sáng tác văn học, nhà văn có toàn quyền hư cấu nhưng đối với tiểu thuyết lịch sử - tác phẩm viết về những nhân vật và sự kiện lịch sử, viết về câu chuyện truyền thống của dân tộc/cộng đồng thì quyền hư cấu của nhà văn cũng cần giới hạn trong khuôn khổ nhất định. Khi tái hiện lịch sử trong tác phẩm, nhà văn có thể đi sâu, mổ xẻ chiều sâu tâm lý nhân vật, tăng hoặc giảm số lượng/hàm lượng nhân vật/sự kiện hư cấu. Nhưng tất cả sự hư cấu đó đều là cái đến sau, là cái được sắp xếp ở vị trí thứ hai so với *sự chân thực lịch sử* được tạo nên bởi các nhân vật và sự kiện lịch sử có thật trong chính sử. Nhà văn có thể thêm thắt nhân vật, tình tiết, hoàn cảnh để lý giải nguyên nhân, đi sâu

phân tích khoảng trống về nhân vật và sự kiện lịch sử nhưng tuyệt đối không được hư cấu, thêm thắt đến mức làm thay đổi bản chất nhân vật, nguy tạo cho nhân vật những nét tính cách, những suy nghĩ, việc làm mà nhân vật đó chưa từng có, chưa từng làm, thậm chí nguy tạo đến mức làm thay đổi cả diện mạo và kết quả lịch sử. Sự hư cấu như thế đều khó có thể được chấp nhận.

Nếu văn học có chức năng phản ánh chân thực hiện thực cuộc sống thì ở đây sự hư cấu nghệ thuật của nhà văn khi sáng tác tiểu thuyết lịch sử cũng cần đạt được giá trị chân thật trong phản ánh. Tác giả tiểu thuyết lịch sử có thể không hoàn toàn tin vào chính sử. Anh ta có toàn quyền hư cấu và chất vấn lịch sử bởi nhiệm vụ chính của văn chương là tìm hiểu và giải mã lịch sử chứ không phải minh họa lịch sử. Nhưng sự giải mã ấy không đồng nghĩa với sự tự do hư cấu, tự do vu vạ, tự do giải thiêng, xuyên tạc, bóp méo lịch sử. Sự giải mã đó phải xét đến yếu tính lịch sử của các nhân vật, sự kiện quan trọng đã được cộng đồng, dân tộc thừa nhận và lấy đó làm căn cứ quan trọng, đi sâu phân tích chiều sâu tính cách nhân vật. Sự chân thực cần có ở tiểu thuyết lịch sử là sự chân thành và trung thực của nhà văn trong việc giải mã lịch sử. Sự chân thực đó phải gắn với thước đo giá trị về sự chân thực trong cuộc sống. Có đảm bảo được điều này, tiểu thuyết lịch sử mới hấp dẫn được bạn đọc. Như thế, người đọc mới có thể qua tiểu thuyết lịch sử minh định được

nhiều giá trị cuộc sống còn náu mình trong kho tàng lịch sử của dân tộc/cộng đồng.

3. KẾT LUẬN

Có thể thấy nội hàm khái niệm tiểu thuyết lịch sử được tạo nên bởi ba thuộc tính cơ bản kể trên. Nó lấy nhân vật, sự kiện lịch sử có thật trong chính sử làm đề tài chính cho tác phẩm mô phỏng hiện thực. Quan niệm về tiểu thuyết lịch sử như thế sẽ thích hợp với việc xác định thể loại tác phẩm tiểu thuyết lịch sử ở bất kỳ thời đại nào của bất kỳ tác giả nào, không cần vì sự hoạch định thời gian hiện thực hay thời gian lịch sử mà phân chia ranh giới. Trong lịch sử phát triển thể loại tiểu thuyết, ở thời đại nào cũng có những tác phẩm hay và những tác phẩm tồi. Xét trên phương diện hình

thức, bản thân tên gọi thể loại không làm nên sự phân biệt trong thang bậc giá trị giữa các tác phẩm. Gọi một tác phẩm nào đó là tiểu thuyết lịch sử hay tiểu thuyết lịch sử ngoại biên, tiểu thuyết trinh thám, tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết đời tư/thế sự... hoàn toàn không bao hàm ý nghĩa tán dương hay hạ thấp giá trị tác phẩm. Nhưng dù tên gọi thể loại không làm nên giá trị cho một tác phẩm, song nó lại có ý nghĩa quan trọng đối với nhà văn và độc giả. Nó góp phần định hướng gián tiếp nội dung sáng tạo của tác giả cũng như cách tiếp cận tác phẩm của độc giả. Vì vậy, xét đến cùng việc nghiên cứu và làm rõ nội hàm khái niệm tiểu thuyết lịch sử là việc làm cần thiết. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Văn Lợi. 1999. *Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945 (Diện mạo và đặc điểm)*. Luận án Tiến sĩ Ngữ văn. Hà Nội: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Đỗ Hải Ninh. 2012. *Quan niệm về lịch sử trong tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh*. Viện Văn học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội. <http://vienvanhoc.vass.gov.vn/> (ngày truy cập: 12/3/2017).
3. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi. 1999. *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
4. Ngô Sĩ Liên. 2004. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
5. Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên). 2004. *Từ điển văn học bộ mới*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (dịch: Viện Sử học). 1998. *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục (Tân biên)*. Hà Nội: Nxb. Giáo Dục.
7. Trung Trung Đĩnh. 2003. *Viết tiểu thuyết lịch sử cũng cần phải hư cấu*. <http://pda.vietbao.vn/Van-hoa/Viet-tieu-thuyet-lich-su-cung-can-phai-hu-cau/20010382/181/> (ngày truy cập: 12/3/2017).